

Bản án số: 117/2018/HS-ST
Ngày 27 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Trường.

Ông Vi Văn Lâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Ngọc Dinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 118/2018/TLST-HS, ngày 16 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Kim T, sinh ngày 06 tháng 11 năm 1967 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi ở: Thôn S, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng S, sinh năm 1940 và bà Lê Kim N, sinh năm 1942; có chồng Nguyễn Anh V, sinh năm 1961, đã ly hôn và 02 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự không có; nhân thân tốt; bị tạm giam từ ngày 04 tháng 10 năm 2018 đến ngày 12 tháng 11 năm 2018 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

2. Phùng Thị L, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1970 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi ở: Thôn S, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn B, đã chết và bà Hoàng Thị C, đã chết; có chồng Trần Văn P, sinh năm 1965 và 02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền

sự không có; nhân thân tốt; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05 tháng 11 năm 2018 đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1978. Địa chỉ: Đường A, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

2. Chị Quấn Thị H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Phố M, phường S, thị xã B, tỉnh Bắc Cạn. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1989. Địa chỉ: Đường T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

2. Anh Lê Văn T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Anh Hà Minh T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

4. Ông Lô Văn C, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

5. Bà Nông Thị L, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

6. Ông Phan Văn C1, sinh năm 1955. Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 30 phút ngày 03 tháng 10 năm 2018, tại nhà nghỉ K ở thôn S, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn do Lê Kim T làm chủ và trực tiếp quản lý; Tổ công tác phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Công an xã Đ, huyện H kiểm tra, phát hiện tại các phòng số 02 và 03 của nhà nghỉ K, trong mỗi phòng có một đôi nam nữ đang thực hiện hành vi mua bán dâm. Cụ thể tại phòng nghỉ số 02 có Nguyễn Văn S, sinh năm 1989, trú tại đường T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng và Hoàng Thị Q, sinh năm 1978, trú tại đường A, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái; phòng nghỉ số 03 có Lê Văn T, sinh năm 1990, trú tại thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và Quấn Thị H (tên gọi khác là L), sinh năm 1988, trú tại phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Cạn. Tổ công tác đã lập biên bản sự việc và thu giữ các vật chứng liên quan.

Quá trình điều tra đã làm rõ: Ngày 06 tháng 02 năm 2018, Lê Kim T được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 14K8005544, ngành nghề dịch vụ nhà nghỉ lưu trú, tại thôn S, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03 tháng 10 năm 2018 có Nguyễn Văn S, Lê Văn T và Hà Minh T, sinh năm 1990, trú tại huyện T, thành phố Hải Phòng đến

thuê phòng nghỉ. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi cùng đi ăn cơm về phòng nghỉ, Nguyễn Văn S rủ Lê Văn T và Hà Minh T tìm gái bán dâm để mua dâm, đến khoảng 20 giờ 30 phút, Nguyễn Văn S, Lê Văn T và Hà Minh T cùng nhau đi ra quầy lễ tân. Nguyễn Văn S gặp Lê Kim T đặt vấn đề cần tìm gái bán dâm. Lê Kim T đồng ý và thỏa thuận giá mua bán dâm là 300.000 đồng/người/lượt. Hà Minh T nói thấy mệt nên không có nhu cầu mua dâm. Nguyễn Văn S đưa cho Lê Kim T 600.000 đồng để Lê Kim T gọi gái bán dâm cho Nguyễn Văn S và Lê Văn T. Lê Kim T cầm tiền cất vào túi quần rồi dùng điện thoại nhãn hiệu OPPO gắn sim số 0975.055.310 gọi cho Quản Thị H là gái bán dâm lúc này đang ở nhà nghỉ H, thuộc thôn A, xã S, huyện H đến nhà nghỉ của mình để bán dâm, Lê Kim T tiếp tục gọi điện cho Phùng Thị L, nhờ Phùng Thị L gọi cho Lê Kim T một gái bán dâm đến nhà nghỉ của Lê Kim T để bán dâm, Phùng Thị L đồng ý.

Phùng Thị L dùng điện thoại gắn sim số 0814.872.970 gọi cho Hoàng Thị Q là gái bán dâm bảo đến nhà nghỉ K để bán dâm cho khách. Khoảng 30 phút sau thì Quản Thị H và Hoàng Thị Q đến. Lê Kim T chỉ cho Hoàng Thị Q đi cùng Nguyễn Văn S vào phòng số 02; Quản Thị H đi cùng Lê Văn T đi vào phòng nghỉ số 03 để thực hiện hành vi mua bán dâm, còn Hà Minh T ngồi tại quầy lễ tân uống nước. Đến 21h30' cùng ngày thì bị lực lượng Công an kiểm tra, bắt quả tang như đã nêu trên.

Qua điều tra, trước ngày bị bắt quả tang Lê Kim T đã có lần thỏa thuận với Hoàng Thị Q và Quản Thị H khi nào có khách mua dâm, Lê Kim T sẽ gọi và thống nhất một lần bán dâm sẽ trả cho Hoàng Thị Q 180.000 đồng và trả cho Quản Thị H 160.000 đồng. Theo Lê Kim T khai nhận đã gọi Hoàng Thị Q và Quản Thị H đến nhà nghỉ của Lê Kim T để bán dâm, mỗi người một lần, không biết người mua dâm, không nhớ thời gian cụ thể.

Đối với Phùng Thị L do ở gần và biết nhà nghỉ K có hoạt động mại dâm nên đã liên hệ và thỏa thuận với Lê Kim T khi nào có người mua dâm, Lê Kim T sẽ gọi cho Phùng Thị L để Phùng Thị L gọi gái đến bán dâm. Ngày 03 tháng 10 năm 2018, do mất số điện thoại của Hoàng Thị Q, Lê Kim T đã bảo Phùng Thị L gọi cho một gái bán dâm. Phùng Thị L đã gọi cho Hoàng Thị Q đến nhà nghỉ K để bán dâm. Giữa Phùng Thị L và Hoàng Thị Q thỏa thuận, mỗi lần có khách mua dâm, Phùng Thị L sẽ gọi cho Hoàng Thị Q đi bán dâm, tiền bán dâm được 180.000 đồng thì Phùng Thị L sẽ thu của Hoàng Thị Q 80.000 đồng, ngày 03 tháng 10 năm 2018 là lần đầu tiên Phùng Thị L gọi cho Hoàng Thị Q đi bán dâm.

Những vật chứng đã thu giữ và làm rõ có liên quan đến hành vi phạm tội gồm 02 bao cao su đã qua sử dụng, 02 vỏ bao cao su và 01 bao cao su chưa qua sử dụng là vật chứng thu giữ tại phòng nghỉ số 02 và 03 nhà nghỉ K T (đã được niêm phong); số tiền 600.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là tiền mua dâm của Nguyễn Văn S trả cho Lê Kim T; 03 chiếc điện thoại di động, trong đó có 01 chiếc nhãn hiệu NOKIA 1280, màu đen, số IMEI 355862016311080 của Quản Thị H, 01 chiếc nhãn hiệu OPPO màu vàng hồng

số IMEI 867994030703371 của Hoàng Thị Q, 01 chiếc nhãn hiệu OPPO màu hồng, số IMEI 086570036735272 của Lê Kim T. Đối với 01 Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 14K8005544 mang tên Lê Kim T; 01 sổ quản lý kinh doanh dịch vụ; 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự, sau khi làm rõ đã trả cho Lê Kim T.

Vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội không thu giữ được có 01 chiếc điện thoại của Phùng Thị L, theo Phùng Thị L khai nhận đã làm rơi mất nên không thu giữ được.

Tại bản Cáo trạng số: 120/CT-VKSHL-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Lê Kim T về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phùng Thị L về tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Kim T, Phùng Thị L giữ nguyên lời khai như tại cơ quan điều tra và khẳng định các bị cáo bị truy tố đúng với hành vi đã thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố. Đồng thời phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đánh giá động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Kim T phạm tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phùng Thị L phạm tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt:

1. Căn cứ vào khoản 1, 5 Điều 327; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 50, 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Kim T từ 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng. Phạt bổ sung từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước vì bị cáo có tài sản riêng.

2. Căn cứ vào khoản 1, 4 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 50, 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phùng Thị L từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 24 tháng. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước vì bị cáo có tài sản riêng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy 02 phong bì đã được niêm phong bên trong có 02 bao cao su đã qua sử dụng, 02 vỏ bao cao su và 01 bao cao su chưa qua sử dụng là các dụng cụ liên quan đến hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu, sung ngân sách nhà nước của bị cáo Lê Kim T số tiền 600.000 đồng do phạm tội mà có và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng có liên quan đến hành vi phạm tội, còn giá trị sử dụng.

Tịch thu, sung ngân sách nhà nước của Quản Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280, của Hoàng Thị Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng hồng có liên quan đến hành vi phạm tội, còn giá trị sử dụng.

Không đề nghị xem xét đối với 01 chiếc điện thoại của Phùng Thị L do Phùng Thị L làm rơi mất, không thu giữ được.

Phản tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo Lê Kim T, Phùng Thị L xin được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Hoàng Thị Q, Quản Thị H; người làm chứng gồm các anh Nguyễn Văn S, Lê Văn T, Hà Minh T, ông Phan Văn C1, bà Nông Thị L đều vắng mặt. Nhưng trước đó đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không ảnh hưởng đến phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 03 tháng 10 năm 2018 tại nhà nghỉ K, thuộc thôn S, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, Nguyễn Văn S và Lê Văn T đã liên hệ với Lê Kim T nhờ gọi cho hai gái bán dâm, Lê Kim T nhất trí và nói giá 300.000 đồng/người/lượt, Nguyễn Văn S đã đưa cho Lê Kim T 600.000 đồng, Lê Kim T gọi điện và bảo Quản Thị H đến nhà nghỉ K để bán dâm. Lê Kim T tiếp tục gọi điện và bảo Phùng Thị L gọi cho một gái bán dâm, Phùng Thị L đã gọi điện cho Hoàng Thị Q và bảo Hoàng Thị Q đến nhà nghỉ K để bán dâm, khoảng 30 phút sau Hoàng Thị Q và Quản Thị H đến nhà nghỉ K, Lê Kim T chỉ cho Hoàng Thị Q cùng Nguyễn Văn S vào phòng số 02; Quản Thị H cùng Lê Văn T vào phòng số 03 để thực hiện hành vi mua bán dâm, đến 21 giờ 30 phút cùng ngày thì bị bắt quả tang. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Lê Kim T phạm tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phùng Thị L phạm tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

[3] Cáo trạng số: 120/CT-VKSHL-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Lê Kim T

về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phùng Thị L về tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chứa mại dâm, môi giới mại dâm là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích háms lợi nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó các bị cáo phải chịu hình phạt nhất định tương xứng với hành vi phạm tội đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo Lê Kim T, Phùng Thị L có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng.

[7] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[8] Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Lê Kim T, Phùng Thị L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, đều có bố để được nhà nước tặng huân, huy chương. Ngoài ra bản thân bị cáo Lê Kim T được Bộ trưởng Bộ công nghiệp tặng huy chương vì sự phát triển công nghiệp Việt Nam nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phùng Thị L được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Từ những phân tích Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Lê Kim T, Phùng Thị L tuy thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng các bị cáo đều phạm tội lần đầu, bị cáo Phùng Thị L phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của bản thân và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nên xét xử các bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo để các bị cáo yên tâm cải tạo, giáo dục tại địa phương trở thành người có ích cho xã hội. Việc cho các bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hại cho xã hội, không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm mà vẫn đảm bảo được sự nghiêm minh của pháp luật đồng thời thể hiện sự khoan hồng của nhà nước đối với người biết ăn năn hối cải.

[10] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Lê Kim T, Phùng Thị L có tài sản riêng nên cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lê Kim T số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo Phùng Thị L số tiền 10.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

[11] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Cần tịch thu tiêu hủy 02 phong bì đã được niêm phong bên trong có 02 bao cao su đã qua sử dụng, 02 vỏ bao cao su và 01 bao cao su chưa qua sử dụng có liên quan đến hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng; tịch thu, sung ngân sách nhà nước

của bị cáo Lê Kim T số tiền 600.000 đồng do phạm tội mà có và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng có liên quan đến hành vi phạm tội, còn giá trị sử dụng; tịch thu, sung ngân sách nhà nước của Quản Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280, của Hoàng Thị Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng hồng có liên quan đến hành vi phạm tội, còn giá trị sử dụng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[12] Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng đã trả lại cho bị cáo Lê Kim T 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 14K8005544 mang tên Lê Kim T; 01 sổ quản lý kinh doanh dịch vụ; 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự.

[13] Đối với 01 chiếc điện thoại của Phùng Thị L đã làm rơi mất, không thu giữ được nên không xem xét.

[14] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Kim T phạm tội “Chứa mại dâm”. Bị cáo Phùng Thị L phạm tội “Môi giới mại dâm”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1, 5 Điều 327; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 50, 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Kim T 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Phạt bổ sung số tiền 15.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, 4 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 50, 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phùng Thị L 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy 02 phong bì đã được niêm phong bên trong có 02 bao cao su đã qua sử dụng, 02 vỏ bao cao su và 01 bao cao su chưa qua sử dụng.

Tịch thu, sung ngân sách nhà nước của bị cáo Lê Kim T số tiền 600.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng.

Tịch thu, sung ngân sách nhà nước của Quản Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 và của Hoàng Thị Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng hồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19 tháng 11 năm 2018 và Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử số 48 ngày 19 tháng 11 năm 2018).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Kim T, Phùng Thị L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;

- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thanh Huyền

